

## ĐỜI VÀ THƠ LÝ TỬ TẤN (1378 - 1457)

NGUYỄN HỮU SƠN<sup>(\*)</sup>

Lý Tử Tấn (1378-1457) vốn tên Lý Tấn, tự Tử Tấn và cũng là tên đi thi, hiệu Chuyết Am Tẩu, người làng Triều Đông, sau đổi là Triều Liệt, huyện Thượng Phúc (nay thuộc xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây). Ông đậu Thái học sinh năm Canh Thìn (1400), cùng khoa với Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, Vũ Mộng Nguyên... Không rõ ông làm gì, ở đâu vào thời nhà Hồ và thuộc Minh. Khi Bình Định vương Lê Lợi khởi nghĩa ở Thanh Hóa được vài năm, ông đến yết kiến nơi hành tại, được Lê Lợi trọng dụng, giao giữ chức Văn cáo. Ông làm quan trải các triều Lê Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông, giữ các chức Nhập nội hành khiển tri tam quán sự, Thông phụng đại phu, Hành khiển Bắc đạo, Thừa chỉ Viện Hàn lâm kiêm Nhập thị kinh diên, phụ trách việc dạy học cho vua và các hoàng tử. Dương thời ông từng được sung vào đoàn sứ giả đi sứ Chiêm Thành. Sau khi Nguyễn Trãi lui khỏi triều chính, phần lớn chế cáo, chiếu lệnh đều do một tay ông soạn thảo. Thời đó, Lý Tử Tấn và Trần Thuấn Du được coi là hai nhân sĩ nổi tiếng, thơ phú uyên bác.

Sự nghiệp thơ văn của Lý Tử Tấn khá phong phú, bao gồm cả văn hành chính chức năng và sáng tác thơ phú. Về loại văn hành chính, ông từng thay vua soạn chiếu chỉ, văn thư ngoại giao nhưng đến nay chưa

xác định được chính xác những văn bản nào. Đặc biệt, ông được giao làm "thông luận" cho sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi: "Bèn sai... Lý Tử Tấn làm thông luận để cho sáng rõ hơn... Tử Tấn từ chức Hành khiển ở Bắc đạo vào giữ chức Thừa chỉ, coi việc làm chiếu cáo; văn chương sâu sắc, tao nhã, đáng khen" (*Dư địa chí* (Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu chú). 2000. tr. 483, 484-485). Trong sách *Dư địa chí*, những nơi có ghi rõ "Lý thị viết" (Lý thị nói) chính là phần thông luận của Lý Tử Tấn, góp phần chú thích, bình giải, nâng cao chất lượng bộ sách. Đơn cử lời họ Lý trong đoạn kết thúc sách *Dư địa chí*: "Úc Trai dâng sách này, vua Thái Tông khen ngợi, sai ông đem ấn hành. Kịp việc bạo băng xảy ra lúc đồng hành, triều đình luận tội cho Úc Trai phu nhân là Nguyễn Thị Lộ thí nghịch, bắt tội đến cả ba họ. Đại tư đồ Lê Liệt sai thợ hủy bỏ bản in. Sau vua Nhân Tông trưởng thành, cầm nắm quốc chính, Lê Liệt có tội bị giam ở Thổ Lao. Nhà vua ngự đến Bí thư các, xem các sách vở, được di bản của Úc Trai, mới bảo quần thần rằng: "Nguyễn Trãi là người trung thành giúp đức Thái Tổ dẹp loạn tặc, giúp đức Thái Tông sửa sang thái bình. Văn chương và đức nghiệp của Nguyễn Trãi các danh tướng của bản triều không ai sánh bằng. Không may người đàn bà gây biến, để người lương thiện mắc tội, rất là đáng thương". Bèn để sách ấy ở ngự tẩm, dùng làm chính thư"" (*Dư địa chí* (Phan Duy Tiếp

<sup>(\*)</sup> Phó giáo sư, Tiến sĩ. Viện Văn học.

dịch, Hà Văn Tấn hiệu chú), 2000, tr. 483, 484-485). Ngoài ra, ông còn có công phê điểm, hiệu chỉnh, khen chê từng câu chữ trong *Việt âm thi tập* (1459) và viết lời tựa cho sách này. Trong bài tựa, sau khi dẫn giải công việc của các nhà sưu tập rồi được nhờ cậy soát lại và đính chính, Lý Tử Tấn viết tiếp: "Tôi thưa rằng phép làm thơ thật khó lầm thay! Thơ luật chỉ có năm mươi sáu chữ, thơ tuyệt cú lại chỉ có hai mươi tám chữ, mà đủ cả mọi thể cách. Muốn thơ cổ kính, thanh đậm thì lại gần với thô, muốn đẹp đẽ thì lại gần với lèo loẹt; hào phỏng thì dễ dẫn tới chỗ buông thả, thật thà thì dễ tới chỗ quê mùa. Cho nên lời, ý giản dị, đầy đủ, mạch lạc thông suốt, chất phác mà vẫn nhã, mới lạ mà không trúc trắc, trung hậu nhưng không thô kệch, cao siêu mà vẫn có giọng ôn hòa, đó là những điều rất khó có thể đạt được. Bởi vậy không thể chỉ hạn chế trong một lệ và cũng không thể chỉ lấy ở một thể. Nay tập thơ này đều đã lựa chọn những bài thật là hay của các bậc tiền bối cho nên không cần nói lại làm gì nữa. Còn như đối với những sáng tác của nhân sĩ đương thời, bài nào lấy được thì lấy, bài nào không lấy được thì bỏ. Nếu những bài nào ý tứ nhàn nhã, luật thơ tề chỉnh thì cũng chọn vào, ngõ hầu không phải thở than về việc bỏ sót mất hạt chau giữa biển cả, để đợi các bậc quân tử sau này cân nhắc, lựa chọn thêm. Mong rằng không đến nỗi đáng chê cười"<sup>(1)</sup>... (Lý Tử Tấn. 1977, tr. 15). Về sáng tác, Lý Tử Tấn có *Chuyết Am thi tập* (Tập thơ của Chuyết Am) nhưng đã thất truyền. Hiện chỉ còn 5 bài phú chép trong *Quần hiền phú tập* (1457), một bài thơ trường thiên tự sự

*Pháp Vân cổ tự ký* và 73 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục* (1768).

Sáng tác của Lý Tử Tấn theo sát cuộc đời ông cũng như những biến động lớn lao của đất nước. Tác phẩm của ông có cả đề tài thời chiến và cuộc sống thời bình, cả vấn đề xã hội rộng lớn và thế giới tâm linh huyền ảo, cả tiếng nói chính thống quan phương và những chiêm nghiệm cá nhân, đời thường bình dị.

Theo sát yêu cầu của thể loại phú truyền thống với những qui tắc chặt chẽ về cấu trúc, vần, đối, luật bằng trắc, phú Lý Tử Tấn cũng đồng thời vận dụng hệ thống điển tích, điển cố và các thủ pháp ước lệ, khoa trương. Bài phú tiêu biểu nhất của ông chính là *Chí Linh sơn phú* (Phú núi Chí Linh). Trên thực tế, đây là chủ đề được cả bốn cây viết phú cự phách đương thời (có cả Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, Trần Thuấn Du) cùng thể hiện, cùng lấy một nhan đề chung và đều trở thành nổi tiếng. Đặt trong tính qui phạm của thể loại, bài phú nhấn mạnh vẻ đẹp hùng tráng của một "thiên nhiên quốc huy", một vùng non cao địa linh nhân kiệt:

Trời dựng núi này chèo cao ngất,  
Hổ phục, rồng chầu chèo hai bên...  
Vé núi huy hoàng tranh Ngân Hán,  
Thế núi lẫm liệt ngạo mây cao...  
Rồng thần chèo nhở đó dễ bề giấu bóng,  
Bậc thánh chèo nhở đó khả dĩ ẩn thân<sup>(2)</sup>...

(Bùi Văn Nguyên chủ biên. 2000, tr. 254-255).

Sau khi kế tội giặc Minh, Lý Tử Tấn đi đến mô tả chiến công với khí thế sôi động, nhịp điệu câu chữ đăng đối, tiếp nối dồn dập:

Rồi sấm vang chớp giật,  
Rồi sấm động gió phì.  
Phương Chính kế cùng nên binh tan phách  
lạc,  
Trần Trí sức kiệt nên giáp rụng quân lìa.  
Mã Kỳ, Sơn Thọ may còn vẹn xác,  
Phùng Quý, Sư Hựu đành chịu phơi thây.  
Trận Xích Bích kia chưa đủ ví phép màu  
thắng trận,  
Trận Bát Công nọ chưa đủ so tài nghệ chỉ  
huy...

Trong *Xương Giang phú* (Bài phú trận Xương Giang), Lý Tử Tấn tiếp tục khẳng định sức mạnh con người và sự tất thắng của chính nghĩa:

Than ôi!

Đức có cao công mới lớn,  
Người có hùng đất mới linh.  
Giữ nước không cốt ở thế hiểm,  
Giữ dân không cốt ở hùng binh...  
Dân mến người có đức,  
Trời giúp bậc chí thành...

Với *Thợ vực phú* (Phú cõi thợ), Lý Tử Tấn ngợi ca cuộc sống thanh bình thịnh trị, tôn vinh những "cõi thợ đài xuân", "nơi đô hội thần tiên", "mưa ngọt rưới thuốc sống lâu", "gió nhân điểm sắc không già", "người già tóc bạc vui vầy phúc đức"... Mượn chữ "cõi thợ" trong sách *Hán thư* để chỉ sự bền vững lâu dài, thi nhân đưa vào bốn bài ca với nội dung tụng ca vương triều, thánh đế. Đơn cử lời bài ca thứ hai:

Thánh hoàng gánh vác non sông,  
Ngôi trời nối dõi, vận mong lâu dài.  
Tôn Nho, trọng đạo, quý tài,  
Ngày chăm đổi mới cho đời thêm xuân.  
Sàm nịnh ghét, sắc dục khinh,

Đại thần vốn kính, người thân vốn gần.  
Thuế khóa nhẹ, tạp dịch cân.  
Yêu người, người cũng vì nhân theo về.  
Tiếp đến bài *Quảng cư phú* (Phú ở nơi thoáng rộng), mượn chữ *quảng cư - ở rộng* trong sách *Mạnh Tử*, tác giả đề cao vị thế kẻ đại trượng phu biết coi trọng chỗ ở thoáng rộng, ngũ ý chỉ nhân nghĩa cao cả, từ đó biết sửa mình và noi theo đạo lý thánh hiền. Bài phú sử dụng nhiều từ ngữ ngũ ý chỉ miền không gian rộng lớn, hàm nghĩa giả tưởng và đối lập để nhấn mạnh đạo lớn không thể đo bằng nhận thức tầm thường:

Không thèm không bậc,  
Không phủ không thành.  
Chỉ trí, chỉ tín,  
Thành liếp thành ngăn.  
Chỉ lễ, chỉ nghĩa,  
Thành cửa thành sân.  
Giàu đến muôn chung, khó hơn phần tráng lệ,  
Oai đến nghìn xe, chẳng bì sức tung hoành.  
Trong mạch cảm hứng chiến trận, Lý Tử Tấn ca ngợi nhà vua và ba quân một lòng dẹp loạn qua bài thơ *Hạ tiệp* (Mừng thắng trận):

*Xuẩn bỉ cuồng đồng cảm tử hung,*  
*Tạm lao Hoàng Việt viễn bình nhung.*  
*Thiên cao nhật lệ quân dung tráng,*  
*Lôi kích tiêu trì sỹ khí hùng.*  
*Nhất nhật tiểu đàm cầm xú lô,*  
*Lục sư dũng dược tấu phu công.*  
*Tòng tư, tử hải vô binh cách,*  
*Cổ vũ âu ca yển đức phong.*  
(Lũ xuẩn cuồng dại dám gây rối loạn,  
Để nhà vua phải cầm kiếm đi đánh dẹp.

Nhớ khi trời quang, ngày đẹp, quân tiến  
anh dũng,  
Gặp chớp giật, gió dâng, sĩ khí vẫn hào  
hùng.  
Thế là đến ngày vui bàn chuyện bắt giặc,  
Sáu quân hò reo tâu lên công trạng của  
mình.  
Từ nay khắp bốn biển thôi việc chinh  
chiến,

Chỉ ca múa vui chơi hưởng phúc lành).

Hùng Nam Yến dịch thơ:

*Lũ xuẩn cuồng ngày dám nổi khùng!*  
*Để vua khó nhọc động binh nhung.*  
*Trời quang, ngày đẹp quân anh dũng,*  
*Chớp giật, gió dâng sĩ khí hùng.*  
*Một thuở vui bàn chuyện bắt giặc,*  
*Sáu quân nhảy nhót tiến dâng công.*  
*Từ nay bốn biển thôi chinh chiến,*  
*Ca múa vui chơi hưởng phúc chung.*

Trong ý thức trách nhiệm một bệ tôi, Lý Tử  
Tấn xem duyệt vũ binh mà tự hào, tin tưởng  
sức mạnh ba quân, hết lời ngợi ca khí thế  
quân đội triều đình nhà Lê qua bài *Quan  
duyet vu* (Xem duyệt binh):

*Đường thời tử hải nhất gia thu,*  
*Văn trị phuong hung vu bị tu.*  
*Vạn lữ tinh kỳ minh nhật nguyệt,*  
*Lục quân cổ súy túc tỳ hưu.*  
*Sư hành dĩ luật kẽ tiền diễn,*  
*An bất vong nguy nhược đại do.*  
*Bích thủy tiểu thần quan thịnh sự,*  
*Tái canh thạch cổ tục Kỳ Chu* (Dẫn theo  
Đinh Gia Khánh, 1997, tr.195-196).  
(Đương vào lúc đất nước thống nhất,  
Vì đã có văn trị cho nên phải sửa sang vũ  
bị.

Vạn lữ cờ quạt sáng rực mặt trời, mặt trăng,  
Sáu quân kèn trống đủ đầy tướng quân  
hùng tráng.

Quân đi có phép tắc theo như lệ cũ,  
Khi yên không quên nguy, đó là mưu lớn.  
Tiểu thần này ở trong lũy xem cảnh tốt  
đẹp,  
Lại nối tiếp ca ngợi cảnh nhà Chu ở đất  
Kỳ).

Trở lại cuộc sống thanh bình, một mặt Lý  
Tử Tấn thực sự vui với niềm vui *Tứ hải  
nhất gia* (Bốn biển một nhà). Mặt khác,  
dường như chính nhà thơ cũng cảm nhận  
được những bất bằng dễ nảy sinh vào thời  
hậu chiến nên ngay trong niềm vui vẫn có  
nỗi lo lắng xa xôi, ngay trong lời tụng ca  
vẫn bóng gió cảnh tĩnh. Trong sâu thẳm  
nhận thức và trí tuệ của bậc khoa bảng, ông  
kín đáo bày tỏ nỗi niềm qua bài *Cổ kiếm*  
(Thanh kiếm cổ):

*Lâm lâm Đường Khê bách luyện cương,*  
*Thiên niên khí xạ Đầu Ngưu quang.*  
*Ly văn thác lạc hàn sinh tú,*  
*Quy tổ lân thuần lanh thổ mang.*  
*Bội hướng thành biên yêu tẩm tức,*  
*Thỉnh lai diện thương ninh thần tang.*  
*Tòng lai thần vật vi thời dụng,*  
*Bất thị đồ khoa quái thương phuong.*  
(Kiếm Đường Khê oai vệ tôi luyện trăm  
lần,  
Khí bốc tận sao Ngưu sao Đầu trải nghìn  
năm.  
Vẫn rồng ở kiếm nét còn sắc sỡ, hơi lạnh  
tốt ra,  
Vẩy rùa lăn tăn, ánh bóng vẫn hằn lên rõ  
rệt.  
Kiếm này mang đến bên thành thì yêu quái  
trốn mất,



*Chọn, bỏ ắt có mệnh,  
Chạy xoay mệt thân mình.  
Đầu giường kê sách quý,  
Hòm chứa phòng đao binh.  
Đọc sách nhuần đạo lý,  
Võ kiếm hướng thanh bình.  
Tháp cao vòng trời đất,  
Miên man muôn thuở tình.*

Nỗi băn khoăn, trăn trở của Lý Tử Tấn được đẩy cao qua những ám ảnh về trường danh lợi bon chen, về đời người như giặc mộng, về những sự bất như ý đang diễn ra trước mắt. Đổi ứng lại, con người cần tìm ra lối thoát cho riêng mình, cần biết yên phận, biết dừng, biết đủ. Nhà thơ bày tỏ tâm sự qua bài *Mạn hứng* (Cảm hứng lan man):

*Tá vấn nhân sinh vị để mang,  
Giao giao ác ác lợi danh trưởng.  
Song gian đã mā kiên khôn đại,  
Chẩm thượng hoàng lương nhât nguyệt  
trường.*

*Lòng xảo đồ lao xà hữu cước,  
Hoành hành thùy ngộ giải vô trường.  
Hà như lạc đạo an thiên mệnh,  
Tổn ích tùy nghi nhiệm thủ tương.*  
(Thử hỏi người đổi cớ sao phải ngược xuôi tất tả,

Vương vít nắm giữ mãi trong trường danh lợi.

Tựa cửa ngắm cảnh ngựa lồng tưởng trời đất lớn,  
Cao gối giấc mộng kê vàng nghĩ ngày tháng dài.

Khéo vẽ rắn thêm chân làm gì cho mệt,  
Ai lạ gì loài cua bò ngang không có ruột.  
Sao bằng cứ vui đạo ở yên theo mệnh trời,  
Dù được, dù mất, tùy đó mà định liệu).

Dịch thơ:

*Tất tả vì đâu thử hỏi trời,  
Năm cầm vương vấn lợi danh hoài.  
Tựa song ngắm cảnh trời đất rộng,  
Kê gối nằm mơ ngày tháng dài.  
Rắn vẽ thêm chân cho mệt xác,  
Cua bò rỗng ruột khó lừa ai.  
Sao bằng yên mệnh vui cùng đạo,  
Dù thiệt dù hơn cũng thế thôi.*  
(Theo *Hoàng Việt thi văn tuyển*).

Không chỉ cảm nhận, Lý Tử Tấn đã chứng kiến, thấu hiểu những đèn bạc cuộc đời sau ngày chiến thắng. Dù nói ra hay không nhưng trước sau ông vẫn đồng cảm được với những người bạn như Nguyễn Trãi, hiểu lòng bạn cũng như mình và thấy hình ảnh chính mình trong cuộc đời bạn. Vì thế bài thơ *Đề Úc Trai bích* (Đề vách nhà Úc Trai) hết lời ngợi ca Nguyễn Trãi nhưng cũng là lời cảm thông sâu sắc:

*Tâm kính tương phùng khái ngẫu nhiên,  
Biệt khai thành thị nhất lâm tuyển.  
Ưu du lẽ nhượng an nhân trạch.  
Xuất nhập khiêm cung lạc tính thiên.  
Lai tác đình tiên duy thảo sắc,  
Khách lai trúc ngoại hữu trà yên.  
Công dư thoái thực phần hương tọa,  
Hoa trực trương cầm lạc tuế niên.*

(Lòng sáng như gương mới được chốn này, đâu phải ngẫu nhiên,  
Tách riêng giữa nơi đô hội một cảnh lâm tuyển.  
Thoái mái trong khuôn phép, lấy lòng nhân làm chuẩn,  
Ra vào kính nhường, vui theo tính tự nhiên.  
Khi kẻ lại thuộc ra về, trước sân chỉ còn sắc cổ,

Khách đến chơi, thấy khói trà bốc ra ngoài giậu tre.

Khi việc quan xong, lui về đốt hương ngồi một mình,

Lấy nét vẽ, cây đàn làm thú vui ngày tháng tuổi già).

Trần Thanh Mại dịch thơ:

*Lòng thanh chọn chõ, há tình cờ?  
Thành thị riêng bày một cảnh thơ.  
Lễ độ ung dung nhân nghĩa giữ,  
Kính nhuần đi đứng tinh tình ưa.  
Giờ tan, sân đất trơ màu cỏ,  
Khách đến, rào tre bốc khói trà.  
Xong việc đốt hương ngồi lặng ngắm,  
Phím đàn nét họa tháng ngày qua.*

Di xa hơn, nhiều khi Lý Tử Tấn để lòng mình hòa hợp với thiên nhiên đất trời. Ông lặng đọng hồn mình cùng hoa thạch lựu trước sân, bóng hòe râm mát và một sorm sau mưa, một ban trưa gió mát giữa ngày mùa hạ (*Hạ nhật*). Có thể lối sống bình dị đó đã giúp ông gần với cuộc sống đời thường, gia tăng những chi tiết hiện thực và bớt đi phần nào những điển tích, điển cố và hình ảnh ước lệ, khoa trương. Bài thơ *Sơ thu* (Đầu mùa thu) là một ví dụ:

*Hòe thử âm âm độ phấn tường,  
Hà hoa niểu niểu phiến tân lương.  
Nhất phần thu sắc quân thiên sắc,  
Tứ cổ sơn quang tiếp thủy quang.  
Tử giải hàm hoàng sơ thường đoạn,  
Hương duyên đái lục sảo thiêm hương.  
Tôn tiền hữu tửu tu hành lạc,  
Mạc dãi đông ly cúc nhụy hoàng.  
(Nắng ánh qua tường trắng, bóng hòe râm,  
Hương sen dịu dàng theo gió bốc lên.  
Sắc mùa thu lẩn với sắc trời loang loáng,  
Bóng núi lồng vào ánh nước vẻ sáng ngời.*

Cua tía ngậm gạch vào đặng vào đó,

Phật thủ thơm màu xanh, dần dần thêm mùi.

Trong vò còn có rượu cứ uống cho vui,

Cần gì đợi cúc vàng phô nhụy trước giậu đồng).

Dịch thơ:

*Bóng hòe êm dịu bóng tường vôi,  
Mềm mại chồi sen lộng gió trời.  
Thu nhuộm sắc trời màu loáng loáng,  
Núi lồng ánh nước vẻ người ngồi.  
Cua vàng gạch óng vào đặng sớm,  
Phật thủ da xanh nở mùi rồi.  
Bình sẵn rượu ngon vui cứ nhấp,  
Đợi gì giậu cúc nhụy vàng phơi.*

(Theo *Hoàng Việt thi văn tuyển*).

Khác với dòng văn chương chính thống nói trên, Lý Tử Tấn còn thực hiện diễn ca câu chuyện về Man Nương thành Ký Pháp Vân cổ Phat sự tích (Sự tích chùa Pháp Vân) gồm 58 câu thơ. Có thể tác giả đã dựa vào một văn bản nào đó hoặc theo cốt truyện dân gian rồi diễn thành thơ. Đây là một hiện tượng sáng tạo văn chương độc đáo và bản thân tác giả nhà nho này đã phô diễn câu chuyện mà ngay sau đó Vũ Quỳnh đã chép thành *Man Nương truyện* trong sách *Lĩnh Nam chích quái* (1492). Bên cạnh việc thuật lại cốt truyện bằng văn vần, Lý Tử Tấn còn bộc lộ quan niệm của nhà nho trong cách thức tiếp nhận, đánh giá câu chuyện Man Nương nói riêng và về Phật giáo nói chung:

*Hoàng nhiên tự giác hữu linh quái,  
Điêu trác, tác Phat tiên thần quang.  
Tiểu nhi dĩ hóa nhất khối thạch,  
Đắc nhân, bảo tàng như khuê chương.  
Danh viết Pháp Vân cập Pháp Vũ,*

*Chi cán thiên mân chư quần phượng.  
Nguyên dương tút ngược cửu bất vū,  
Kỳ đảo triếp ứng như thủ thường.  
Cố lão tương tuyễn lệ như thử,  
Khủng thiệp thần quái phi kinh thường.  
Cố dư diệc thị nhất nho giả,  
Uổng bị mân thuyết như diện tường.  
Cái cổ hoặc hữu hiếu sự giả,  
Thế viễn hà tất cầu kỳ tường.  
Phạm Trọng Diêm dịch thơ:  
Bỗng đâu thấy sự lạ đời,  
Đeo làm tượng Phật sáng ngồi tinh anh.  
Thân em bé kết thành khối đá,  
Được người đời quý hóa vô ngần.  
Đặt tên Pháp Vũ, Pháp Vân,  
Cành cây đực gọt chúng dân phung thờ.  
Khi nào gặp tiết trời hạn hán,  
Cầu đảo liền linh cảm nhân tiền.  
Chuyện xưa cố lão lưu truyền,  
E rằng quái dản hão huyền có chăng?  
Tôi vốn ở trong hàng Nho giả,  
Chuyện vách tường thực quả ù lý.  
Phải chăng người trước hiếu kỳ,  
Chuyện xưa lợ phải xét suy kỹ càng.*

Là người sinh ở triều Trần, thành danh dưới triều Hồ, lại trải qua một thời khói lửa chống giặc Minh và những năm tháng phức tạp thời hậu chiến, Lý Tử Tấn kết hợp được trong mình tiếng nói trách nhiệm một bệ tông kính vua yêu nước với một kẻ sĩ nhiều suy tư trăn trở. Sáng tác thi ca của ông có ý nghĩa điểm tô một thời võ công hiển hách, một giai đoạn lịch sử đang lên, chứa chất trong đó cả những mặt thuận chiều và nghịch lý. Với số lượng tác phẩm phong phú, Lý Tử Tấn vừa là hiện thân vừa đóng

vai trò chứng nhân cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thời đại chuyển từ Phật giáo sang Nho giáo, từ xây dựng đến khảng định bản sắc văn hóa-văn học Đại Việt. □

### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Lý Tử Tấn. 1977. *Tân tuyển Việt âm thi tập tự* (Đề tựa Việt âm thi tập mới được chọn lựa lại - Phạm Tú Châu dịch), trong sách *Thơ văn Lý-Trần*, Tập I. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội. Có điều cần chú ý, các sách thống nhất ghi Lý Tử Tấn mất năm 1457 nhưng phần lạc khoản bài tựa lại ghi "Diên Ninh lục niên trọng hạ cát nhật" (Ngày lành tháng Năm, niên hiệu Diên Ninh năm thứ sáu, 1459). Xin đợi tra cứu thêm.

<sup>(2)</sup> *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập IV (Bùi Văn Nguyên chủ biên). Tái bản. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr.254-255. Các bài thơ phú nếu không ghi xuất xứ khác đều dẫn theo sách này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dẫn theo Đinh Gia Khánh. 1997. *Văn học Việt Nam (Thế kỷ X-nửa đầu thế kỷ XVIII)*. Tái bản. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. *Dư địa chí* (Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu chú), trong sách *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*. 2000. Tập II. Hà Nội: Nxb. Văn học-Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
3. *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam (Thế kỷ X-XIX)*. 2006. Tập I. Tái bản (Bùi Duy Tân chủ biên). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. Lý Tử Tấn. 1977. *Tân tuyển Việt âm thi tập tự* (Đề tựa Việt âm thi tập mới được chọn lựa lại - Phạm Tú Châu dịch), trong sách *Thơ văn Lý-Trần*, Tập I. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. *Tổng tập văn học Việt Nam*. 2000. Tập IV (Bùi Văn Nguyên chủ biên). Tái bản. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.